

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-ST
Ngày: 29-12-2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lô.
2. Bà Mai Thị Bỉ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2022/TLST-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-DS, ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Ấp x, xã N, huyện B, tỉnh L. (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 19xx; Vắng mặt.

2.2 Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 19xx; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã Q, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng có ý kiến như sau: Ngày 30/4/2022 ông Nguyễn

Văn C và bà Nguyễn Thị Thu T có vay số tiền 20.000.000đ, thỏa thuận 1 tháng trả, không thỏa thuận lãi.

Ngày 28/7/2022 ông C và bà T có vay tiếp số tiền 93.000.000đ, thỏa thuận 3 ngày hoàn trả, không thỏa thuận lãi.

Từ ngày vay cho đến nay, ông C và bà T không có trả tiền vốn và lãi, ông nhiều lần yêu ông C và bà T nhưng trả. Ông yêu cầu ông C và bà T trả số tiền 113.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thu T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thu T phải trả số tiền vay còn nợ nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và ông C, bà T hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải ghi ngày 21/11/2022 nên sau khi tổ chức phiên hòa giải ngày 21/11/2022 không được, do bị đơn vắng mặt, Tòa án không tiến hành tổ chức hòa giải lần thứ 02 giữa các đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án cấp tổng đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ là 113.0000.000đ. Nguyên đơn có cung cấp Giấy vay tiền ngày 30/4/2022 có nội dung: “*Người vay Nguyễn Văn C, sinh năm 19xx... Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 19xx... Ngày 30/4/2022 chúng tôi có vay của ông Phạm Văn T số tiền 20.000.000đ trong thời gian 1 tháng...*”; Giấy mượn tiền ngày 28/7/2022 có nội dung: “*Người vay Nguyễn Văn C, sinh năm 19xx... Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 19xx... Ngày 28/7/2022 chúng tôi có vay của ông Phạm Văn T số tiền 93.000.000đ trong thời gian 3 ngày...*” có chữ ký của bà T, ông C. Tòa án đã tiến hành niêm yết cho bà T, ông C thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Trong các văn bản này Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp nhưng bà T, ông C không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, có căn cứ xác định hiện bà T, ông C còn nợ số tiền vay của ông T. Căn cứ Điều 6 Bộ Luật Tố tụng dân sự đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Xét bà T, ông C không đến Tòa án và cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho mình xem như bà T, ông C từ chối việc cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên xác định bà T, ông C có nợ của ông T số tiền 113.000.000đ. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Ta. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thu T phải trả số tiền là 113.000.000đ cho ông Phạm Văn Ta. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thu T.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thu T trả cho ông Phạm Văn T số tiền vay còn nợ là 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu số tiền 5.650.000đ (Năm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.825.000đ (Hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006206, ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa